

Số: /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2026

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Mỏ đá vôi Lũng Vặm, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu và thu hồi khoáng sản; Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2086/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm (trước đây là dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm, xã Bắc Hùng, huyện Văn Lãng), cấp lần đầu ngày 28/11/2014 và điều chỉnh lần thứ 02 ngày 23/9/2025;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Lũng Vặm;

Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Lũng Vặm, xã Tân Lang, huyện Văn

Lăng (nay là xã Na Sầm), tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ đá vôi Lũng Văm I, xã Bắc Hùng, huyện Văn Lãng (nay là xã Na Sầm), tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (lần 1);

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mỏ đá vôi Lũng Văm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng (nay là xã Na Sầm), tỉnh Lạng Sơn của Công ty TNHH đá Tân Lang nộp trực tuyến, tiếp nhận ngày 17/7/2026, thời gian hẹn trả kết quả ngày 23/10/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 440/TTr-SNNMT ngày 28/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH đá Tân Lang được khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III (đá vôi) tại khu vực mỏ đá vôi Lũng Văm, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng (nay là xã Na Sầm), tỉnh Lạng Sơn, với các nội dung như sau:

1. Khoáng sản được phép khai thác: khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nhóm III (đá vôi):

- a) Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.
- b) Khoáng sản đi kèm: Không.

2. Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

3. Không gian khai thác:

a) Diện tích khu vực khai thác: 4,2 ha.

b) Mức sâu khai thác: Từ + 380 m đến + 235 m.

c) Không gian khai thác được thể hiện tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 (Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản) kèm theo Giấy phép này.

4. Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: 1.739.898 m³ (trong đó: trữ lượng còn lại tính từ ngày 01/7/2025 trong phạm vi ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 14/GPUBND ngày 23/4/2015 là 495.133 m³; trữ lượng phân huy động mới của dự án là 1.244.765 m³).

5. Công suất khai thác tối đa: 150.000 m³/năm.

6. Thời hạn khai thác: 13 năm, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực thi hành (11,63 năm khai thác với công suất thiết kế 150.000 m³/năm; 1,37 năm xây dựng cơ bản mỏ và thực hiện thủ tục có liên quan).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH đá Tân Lang có trách nhiệm:

a) Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

b) Kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu và các nội dung thẩm định trình phê duyệt.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giấy phép khai thác khoáng sản số 14/GP-UBND ngày 23/4/2015 của UBND tỉnh Lạng Sơn hết hiệu lực kể từ thời điểm Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công thương, Trưởng Thuế tỉnh Lạng Sơn, Chủ tịch UBND xã Na Sầm, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH đá Tân Lang chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - BNNMT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- CVP, PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(NNT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Hữu Học

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ, MỨC SÂU KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND ngày ./2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Điểm Góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 107 ⁰ 15' múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2441 861	433 122
2	2441 890	433 218
3	2441 888	433 219
4	2441 952	433 404
5	2441 873	433 457
6	2441 723	433 309
7	2441 775	433 173
Diện tích: 4,2 ha		
Mức sâu khai thác cao nhất: + 380 m		
Mức sâu khai thác thấp nhất: +235 m		